TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HS-PT
Ngày 07/02/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình, bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi – Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 307/2022/TLPT-HS ngày 27 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn M. Do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2022/HS-ST ngày 17/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng nghị:

Họ và tên: **Nguyễn Văn M**; Sinh năm 1956; tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: xã P, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/10; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Mai Thị T (đã chết); bị cáo có vợ Phan Thị L, sinh năm 1960 và có 05 người con, con lớn nhất sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1998. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2022, hiện đang bị tạm giam (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn M nhập ngũ lực lượng Công an vũ trang tỉnh Hà Tĩnh kể từ tháng 3/1975, sau đó M được điều động đến bảo vệ biên giới Tây Nam từ tháng 7/1981 thì phục viên. Trong quá trình tham gia quân nhân thì M khai nhận có bị thương nhưng không có giấy tờ chứng nhận bị thương. Đến năm 1990 M chuyển đến sinh sống tại xã P, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Vào năm 2010, trong quá trình tham gia Hội cựu chiến binh tại xã P thì M gặp Đào Tuấn B1 - sinh năm 1954; trú tại: Xã P, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; đã chết năm 2015 và M nhờ ông B1 làm giấy tờ giả để làm hồ sơ hưởng chế độ thương binh của Nhà nước. Sau đó, M cung cấp thông tin, giấy tờ nhân thân của M cho ông B1. Một thời gian sau ông B1 đưa cho M "Quyết định phục viên số 239 ngày 18/7/1981" và "Giấy chứng nhận bị thương số 087 ngày 05/3/1978" đều do Trung đoàn 693 cấp cho Nguyễn Văn M. Sau khi có các giấy tờ trên, M đã hoàn tất các thủ tục làm hồ sơ đề nghị giám định thương tật để hưởng chế độ thương binh. Đến tháng 5/2013, Nguyễn Văn M nhận được quyết định trợ cấp thương binh. Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2013 đến tháng 10/2015, Nguyễn Văn M nhận được tiền chế độ thương binh của Nhà nước tổng cộng là 65.504.000 đồng, trong đó: Tiền trợ cấp hàng tháng là 42.590.000 đồng; tiền quà lễ, tết là 2.000.000 đồng; tiền điều dưỡng là 1.110.000 đồng và tiền ưu đãi giáo dục cho các con của M là 19.804.000 đồng. Đến tháng 11/2015, Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Đắk Lắk phát hiện hồ sơ của Nguyễn Văn M có dấu hiệu giả mạo nên đã thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk xác minh, xử lý theo thẩm quyền.

Về thu giữ chứng cứ, vật chứng: Ngày 22/3/2017, Phòng bảo mật lưu trữ Văn phòng Bộ Quốc phòng đã giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk gồm: Quyết định số 239/QĐ ngày 18/7/1981 của Trung đoàn 693 cấp cho Nguyễn Văn M.

Tại công văn số: 02/VP-BM ngày 23/3/2017 của Văn phòng Bộ Quốc phòng, V/v trả lời xác minh mẫu dấu, ghi: "... Mẫu con dấu đóng vào Quyết định phục viên số 239/QĐ ngày 18/7/1981 của Trung đoàn 693 không do Văn phòng Bộ Quốc phòng khắc và cấp".

Tại bản kết luận giám định số: 379/KL-KTHS ngày 05/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Hình dấu tròn có nội dung "TRUNG ĐOÀN 693 – QUAN DOI NHAN DAN VIET NAM" trên mẫu cần giám định ký hiệu A (Quyết định phục viên số 239/QĐ ngày 18/7/1981 của Trung đoàn 693 do Nguyễn Văn M giao nộp) so với hình dấu tròn có nội dung so sánh ký hiệu M (biên bản giao con dấu số 144/VPQP ngày 17/01/1990 của Văn phòng Bộ Quốc phòng) không phải so cùng một con dấu đóng ra.

Tại công văn số: 1810/BV-KH ngày 20/9/2016 của Bệnh viện Quân Y 175 thuộc Bộ Quốc phòng, ghi: "... trên hệ thống sổ sách lưu trữ chưa xác định được

quân nhân Nguyễn Văn minh, sinh năm 1956, quê quán: TĐ, TH, Hà Tĩnh điều trị tại bệnh viện từ ngày 03/02/1977 đến 12/4/1977...".

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 32/2022/HS-ST ngày 17/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"*.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 139; khoản 1 Điều 267; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn M 06 (sáu) tháng tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/5/2022.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 07/12/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị một phần bản án sơ thẩm theo Quyết định số 01/QĐ-VKS-P7 với nội dung đề nghị sửa bản án sơ thẩm: Áp dụng điển c khoản 2 Điều 267 BLHS 1999 để xét xử đối với bị cáo Nguyễn Văn M về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"; tăng mức hình phạt tù đối với bị cáo về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng: Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"* là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, Tòa cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 267 BLHS năm 1999 để xét xử bị cáo M về tội "*làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"* là chưa đánh giá hết tính chất mức độ hành vi phạm tội, bởi lẽ bị cáo M lập hồ sơ giả để chiếm đoạt số tiền trên 65.000.000 đồng là đã ra gây hậu quả nghiêm trọng nhưng Tòa cấp sơ thẩm chỉ xét xử bị cáo M ở khoản 1 Điều 267 BLHS năm 1999 là áp dụng chưa đúng quy định của pháp luật, dẫn đến xử phạt bị cáo M 06 tháng tù về tội *"Làm giả con dấu, tài*

liệu của cơ quan, tổ chức", là nhẹ chưa tương xứng với tính chất, hành vi mà bị cáo M đã thực hiện. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 2 Điều 267 BLHS năm 1999 để xét xử bị cáo M về tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức",* tăng mức hình phạt tù đối với bị cáo M về tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"*. Đồng thời đề nghị HĐXX phúc thẩm và xử phạt bị cáo M 01 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 02 năm tù về tội "Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải chấp hành hình phạt chung là 03 năm, 06 tháng tù.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để khẳng định: Vào năm 2010, bị cáo Nguyễn Văn M lợi dụng chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với người có công với Cách mạng đã sử dụng giấy tờ giả làm hồ sơ thương binh để hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng, sau khi hoàn tất hồ sơ và thực hiện các trình tự, thủ tục thì Nguyễn Văn M được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk chi trả chế độ thương binh, theo đó trong khoảng thời gian từ tháng 5/2013 đến tháng 10/2015, Nguyễn Văn M nhận được tiền chế độ thương binh của Nhà nước tổng cộng là 65.504.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn M về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 139 và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo Điều 267* Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng nghị của viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng điểm c khoản 2 Điều 267 BLHS năm 1999 để xét xử bị cáo M về tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức",* tăng mức hình phạt tù đối với bị cáo M về tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"*. Nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 267 BLHS năm 1999 để xét xử bị cáo M về tội "*làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"* là chưa đánh giá hết tính chất mức độ hành vi phạm tội, bởi lẽ bị cáo M lập hồ sơ giả để chiếm đoạt số tiền trên 65.000.000 đồng là đã gây hậu quả

nghiêm trọng nhưng Tòa cấp sơ thẩm chỉ xét xử bị cáo M ở khoản 1 Điều 267 BLHS năm 1999 là áp dụng chưa đúng quy định của pháp luật, dẫn đến xử phạt bị cáo M 06 tháng tù về tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức",* là nhẹ và chưa tương xứng với tính chất, hành vi mà bị cáo M đã thực hiện. Do đó, với hành vi trên của bị cáo M cần phải xét xử với tình tiết định khung tăng nặng *"Gây hậu quả nghiêm trọng"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 267 BLHS năm 1999 mới đúng quy định của pháp luật. Từ những phân tích và nhận định trên, HĐXX phúc thẩm nhận thấy kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ để chấp nhận. Cần sửa bản án hình sự sơ thẩm số 32/2022/HS-ST ngày 17/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk, về điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn M.

[3] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm theo kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk nên bị cáo Nguyễn Văn M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-P7 ngày 07/12/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 32/2022/HS-ST ngày 17/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk, về điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn M.

2. Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn M phạm các tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"*.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*; điểm c khoản 2 Điều 267 về tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"*; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 50 BLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn M 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*; 02 (Hai) năm tù về tội *"Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức"*. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời

hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/5/2022.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 11 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VP CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Búk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Công an huyện Krông Búk;
- Cơ quan THAHS huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Bằng